

## Đề bài

Phân tích tâm trạng  
và tình cảm của  
Hoàng Cầm thể hiện  
trong bài thơ

**"Bên kia  
sông Đuống"**

## Bài làm

Nhắc đến Kinh Bắc là nhắc đến vùng đất cổ của người Việt với nhiều giá trị văn hóa truyền thống quý báu. Sinh ra, lớn lên trên quê hương đó, hồn thơ Hoàng Cầm đã gắn bó máu thịt với từng cảnh vật, con người, từng nét văn hóa tinh thần ông cha để lại. Để rồi bao yêu thương, nâng niu, say mê đã kết đọng nên một *Bên kia sông Đuống* mà “mỗi vần thơ dòng dòng cảm xúc” (Trần Đăng Suyền).

Sinh ra và lớn lên giữa vùng Bắc Ninh đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc, nhà thơ Hoàng Cầm gắn bó và yêu thương vùng đất ấy vô cùng. Thế nên khi hay tin giặc Pháp chiếm phía nam Bắc Ninh, Hoàng Cầm không khỏi xúc động, đau đớn. Chính trong nguồn cảm hứng ấy, chỉ trong một đêm, bài thơ *Bên kia sông Đuống* ra đời, chứa đựng bao nhiêu tình cảm của nhà thơ. Mở đầu bài thơ, Hoàng Cầm viết:

*Em ơi buồn làm chi*

.....

*Sao xót xa như rụng bàn tay*

Những câu thơ đã mở ra một vùng không gian đầm đầy nỗi thương tha thiết, đủ sức lôi cuốn, thúc giục người đọc.

Theo lời kể của tác giả, 3 câu đầu của bài thơ *Bên kia sông Đuống* được ra đời một cách kỳ lạ trong đêm nhà thơ nghe kể về tình hình quê hương: Tâm trí tôi dần tĩnh lại trong cái im ắng đến nghe rõ cả tiếng một con muỗi vo ve đầu đó. Đột nhiên, như từ xóm nào xa, vang vọng ngay bên tai tôi một giọng như hát, như than thở, như ru em, một giọng phụ nữ trong trẻo nghe mồn mọt, nhưng lại nghe tự lúc tôi còn thơ dại. (Sông Đuống bắt nguồn từ đâu? Trong Hoàng Cầm – thơ văn và cuộc đời, NXB. Văn hóa thông tin, 1997).

Bài thơ được bắt đầu như thế với ba dòng như rót từ cõi xa xăm nào xuống. Quả thực, đó là những câu thơ rất lạ, vừa thoảng chút ai oán, vừa thoảng chút yên ủi, vỗ về:

*Em ơi buồn làm chi*

*Anh đưa em về sông Đuống*

*Ngày xưa cát trắng phẳng lì*

Hình ảnh đầu tiên xuất hiện với gọi tha thiết là nhân vật trữ tình em. Em là ai? Có lẽ chỉ nên xem là một nhân vật phiếm chỉ mà nhà thơ cần đến để giải bày tâm sự, tìm sự đồng cảm, hoặc cũng có thể nhân vật phân thân của chính tác giả. Hình ảnh cát trắng phẳng lì chợt hiện ra làm nhẹ lòng người, gọi nỗi tiếc nhớ cái ngày xưa êm ả, thanh bình, khơi đúng nguồn mạch trữ tình để người viết nhập vào quá khứ.

Hình ảnh đầu tiên hiện ra trong nỗi nhớ nhà thơ vẫn là con sông Đuống:

*Sông Đuống trôi đi*

*Một lòng lấp lánh*

*Nằm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kì*

Sông Đuống dưới ngòi bút của nhà thơ hiện lên rất mực trữ tình. Mỗi câu thơ như muốn ghi lại sắc thái của nó trôi đi, lấp lánh, nghiêng nghiêng. Những từ này trong trạng thái hoạt động, đặc biệt nét nghiêng nghiêng khiến dòng sông như một sinh thể có hồn, thân thiết, đáng yêu. Dòng sông như một sinh linh của Kinh Bắc để chia sẻ mọi vui buồn của người đời. Còn với nhà thơ, chủ thể trữ tình trong tác phẩm, sông Đuống là dòng ký ức. Tuy có lúc phải xa con sông quê, nhưng dòng ký ức ấy vẫn chảy mãi trong tâm hồn.

Trong quá khứ, là những hình ảnh đẹp gợi lên từ một làng quê trù phú, giàu sức sống:

*Xanh xanh bãi mía nương dâu*

*Ngô khoai biêng biếc*

Hai dòng thơ nhưng cấu trúc đảo ngược nhau. Sự đảo ngược ấy có thể là ngẫu nhiên theo dòng cảm xúc của tác giả song lại tạo ra hiệu quả nghệ thuật bất ngờ: hình ảnh đầu tiên mà người ta bắt gặp là cái màu xanh xanh đến ngút ngàn của bãi mía nương dâu, rồi sự đọng lại của vẻ biêng biếc ngô khoai. Một đằng tác động vào thị giác, một đằng vào cảm giác. Còn hiện tại lại là nỗi xót xa:

*Đứng bên này sông sao nhớ tiếc*

*Sao xót xa như rụng bàn tay*

Hai dòng thơ, hai câu hỏi nhưng là một tâm trạng. Nỗi lòng ấy đang điệp trùng bao nỗi, từ nhớ tiếc lẫn xót xa. Nhà thơ không nói nhớ tiếc hay xót xa điều gì, có bãi mía, nương dâu, có ngô khoai biêng biếc, nhưng có tất cả những gì của quê hương, là quê hương.

Điệp từ sao (sao nhớ tiếc, sao xót xa) như những câu hỏi làm nhức nhối lòng người. Nghệ thuật so sánh có sức gợi cảm, một là lấy nỗi đau tinh thần so sánh với nỗi đau thể xác khiến người đọc cảm nhận được nỗi đau cụ thể. Hai là, coi quê hương như một phần cơ thể. Quê hương bị giặc giày xéo đau đớn như một phần cơ thể bị mất.

*“Bên kia sông Đuống*

*Quê hương ta lúa nếp thơm nồng*

*Tranh Đông Hồ gà lợn nét tươi trong*

*Màu dân tộc sáng bừng trên giấy điệp*

*Quê hương ta từ ngày khùng khiếp*

*Giặc kéo lên ngàn ngạt lửa hung tàn*

*Ruộng ta khô*

*Nhà ta cháy*

*Chó ngộ một đàn  
Lười dài lê sắc máu  
Kiệt cùng ngộ thắm bờ hoang  
Mẹ con đàn lợn âm dương  
Chia lia đôi ngã  
Đám cười chuột đang tung bìnng rộn rã  
Bây giờ tan tác về đâu”*

Ai đó đã nói thơ là sự chín đỏ của cảm xúc. Với Hoàng Cầm, ngọn lửa tình yêu Kinh Bắc âm ỉ, mãnh liệt đến nỗi chỉ một tàn tro cũng đủ làm nó bùng lên. Khai đoạn là bốn chữ “bên kia sông Đuống” vừa gọi nhắc không gian xa cách, vừa gọi nhắc thời gian quá khứ. Tự nó đứng thành một câu, buông một nỗi khắc khoải, đau đáu lạ kì. Hướng về bên kia sông Đuống, điều trước tiên Hoàng Cầm nhớ tới là những giá trị văn hóa lâu đời – thứ làm nên diện mạo tinh thần cho xứ sở Kinh Bắc. Dòng hoài niệm của tác giả xuôi về với từng mùi hương, từng nét vẽ, từng sắc giấy... Kinh Bắc được ngòi bút nhà thơ lần lượt tái hiện bằng hương lúa nếp và những bức tranh Đông Hồ nổi tiếng. Một thứ biểu trưng cho đời sống vật chất đủ đầy, một thứ biểu trưng cho đời sống tinh thần lành mạnh. Những tính từ “thơm nồng”, “tươi trong”, “sáng bìnng” vừa mang lại hương sắc, vừa mang lại màu sắc cho bức tranh quê hương. Khó có thể diễn tả lại những gì được gọi nên từ chúng. Chỉ có thể cảm nhận được thần thái của bức tranh đó khi đặt ra câu hỏi: Sao Hoàng Cầm không viết “thơm ngát” như Nguyễn Đình Thi viết “những cánh đồng thơm mát?” Sao Hoàng Cầm không viết “Tranh Đông Hồ gà lợn nét tươi tắn”, “Màu dân tộc sáng chói trên giấy điệp?” Đây là chưa nói đến sự tinh tế khi tác giả sử dụng biện pháp ẩn dụ “màu dân tộc”. Bốn câu thơ thắm đậm chất dân gian, gọi chất liệu, đề tài, tư tưởng, phong cách nhân dân, màu sắc dân tộc (Trần Đăng Suyền). Một Kinh Bắc đẹp đến nao lòng đang hiện về bằng bạc trong kí ức nhà thơ. Đoạn thơ mang âm hưởng hồ hởi, tha thiết, diễn tả niềm say sưa của Hoàng Cầm với sắc màu, điệu sống yên ả, hồn hậu của quê hương. Ba tiếng “quê hương ta” không giấu được niềm tự hào của người con đất Kinh Bắc.

Nhưng càng tự hào, càng hãnh diện về quê hương bao nhiêu, nhà thơ càng đau đớn, xót xa, căm giận trước cảnh tượng quê hương tươi đẹp bị giặc giày xéo bấy nhiêu. Kinh Bắc thanh bình phút chốc chìm ngập trong khói lửa chiến tranh. Chỉ với vài câu thơ ngòi bút thi nhân đã bao quát toàn bộ cảnh tượng quê hương bị hủy diệt:

*“Ruộng ta khô  
Nhà ta cháy”  
“Kiệt cùng ngộ thắm bờ hoang”*

Cuộc sống nhân dân bị quân giặc tróc nã từ miếng ruộng mưu sinh đến nơi trú ngụ. Tác giả không ngần ngại vạch trần, lên án gay gắt sự bạo tàn của quân thù.

*“Giặc kéo lên ngàn ngọn lửa hung tàn”*

*“Chó ngộ một đàn*

*Lưỡi dài lê sắc máu”*

Trong lời tuyên cáo, Hoàng Cầm đã hơn một lần sử dụng nghệ thuật ẩn dụ. Hình ảnh “ngọn lửa hung tàn” và “chó ngộ” đặc tả sự hung bạo, dã man, điên dại của lũ cướp nước. Sắc đỏ của lửa và máu chính là sắc màu tội ác của bầy hám mồi. Nó đối lập hoàn toàn với “nét tươi trong” của bức tranh quen hương bên trên. Nhịp thơ ngắn dài đan xen như cuộn lên bao uất ức, sôi lên bao căm phẫn.

Trong những đau thương, mất mát, Hoàng Cầm nhấn mạnh hơn cả vào sự tan tác, chia li:

*“Mẹ con đàn lợn âm dương*

*Chia lià đôi ngã*

*Đám cưới chuột đang tung bùng rộn rã*

*Bây giờ tan tác về đâu”*

Thật khó để phân định thực và ảo ở đoạn thơ này. Bóng dáng cuộc đời thực đang lồng vào trong chính những bức tranh Đông Hồ hay những bức tranh đang sống dậy để cùng chịu sự truy bức với cả dân tộc? Mượn thể giới nghệ thuật trong tranh, Hoàng Cầm đã diễn tả thành công cảnh tượng thật ngoài đời. Tranh Đông Hồ không chỉ là những bức hình mang chứa vẻ đẹp quê hương Kinh Bắc mà trong nó còn cất giữ hương hồn con người, dân tộc Việt Nam. Tranh Đông Hồ có rất nhiều nội dung, nhưng Hoàng Cầm lại cố ý lựa chọn hai bức *Mẹ con đàn lợn âm dương* và *Đám cưới chuột* để xoáy thật sâu vào bi kịch chia li. Hạnh phúc gia đình, hạnh phúc lứa đôi bị giày xéo, chà đạp phũ phàng. Những từ láy “chia lià”, “tan tác”, đã khắc họa rõ nét cảnh tượng thương tâm này. Những câu thơ tuôn trào như tiếng nấc nghẹn hoang mang không tìm giữ nổi. Câu thơ cuối cùng là câu hỏi, gieo lời hỏi nhưng thực chất lại bộc lộ sâu sắc nỗi xót xa đến ngần ngại:

*Ai về bên kia sông Đuống*

*Cho ta gửi tấm the đen*

*Máy trăm năm tháp thoáng mộng bình yên*

*Những hội hè đình đám*

*Trên núi Thiên Thai*

*Trong chùa Bút Tháp*

*Giữa huyện Lang Tài*

*Gửi về may áo cho ai*

*Chuông chùa văng vẳng nay người ở đâu*

Ở đây ta bắt gặp một phong tục đẹp đẽ vùng Kinh Bắc. Tấm the đen gửi về may áo. Nó không chỉ là nét vẽ truyền thống mà còn là hành động gửi thương gửi nhớ của con người, qua đó thể hiện niềm trân trọng yêu mến sâu sắc của tác giả với con người Kinh Bắc. Các địa danh Thiên Thai, Bút Tháp, Lang Tài được gọi nhắc đã thể hiện niềm kiêu hãnh và tự hào sâu sắc của nhà thơ về vẻ đẹp quê hương mình. Mặt khác các từ chỉ địa danh này lại đi liền với các từ có ý nghĩa định vị về mặt không gian là “trên”, “trong”, “giữa”. Nhà thơ Hoàng Cầm đã mở ra trước mắt người đọc một không gian rộng lớn mênh mông, không gian của “mộng bình yên” đẹp đẽ, thơ mộng. Thêm nữa có một nét vẽ cổ điển của âm thanh tiếng chuông chùa văng vẳng lại như điểm nhịp cho cuộc sống yên ả, bình dị của Kinh Bắc. Hình ảnh con người Kinh Bắc được phác họa bằng những câu thơ cụ thể:

*Những nàng môi chỉ quét râu  
Những cụ già phơ phơ tóc trắng  
Những em sột soạt áo nâu.*

Chỉ bằng vài nét phác họa, Hoàng Cầm đã dựng nên trước mắt người đọc từng bước chân dung cụ thể của con người Kinh Bắc, họ đều rạng ngời với vẻ đẹp truyền thống, những người thiếu nữ, có vẻ đảm đang tháo vát, những cụ già phúc hậu, những em nhỏ ngây thơ tinh nghịch. Rõ ràng ở đây ta thấy niềm yêu mến sâu sắc của tác giả. Nhưng nổi ám ảnh trong Hoàng Cầm sâu sắc nhất có lẽ là hình ảnh người con gái Kinh Bắc. Ông đã dùng những câu thơ đẹp nhất, tài hoa nhất để gọi tả họ:

*Có nhớ từng khuôn mặt búp sen  
Những cô hàng xén răng đen  
Cười như mùa thu tỏa nắng*

Chữ “Có nhớ” đặt ở đầu câu thơ là lời gọi nhắc đầy ám ảnh, hình ảnh “khuôn mặt búp sen” gọi tả khuôn mặt người con gái vừa đoan trang, trong trắng, phúc hậu vừa dịu dàng, và đây cũng là nét vẽ điển hình nhất của người con gái Kinh Bắc nói riêng và của người con gái Việt Nam nói chung. Và gắn liền với hình ảnh “cô hàng xén răng đen”, đây lại là một phong tục tập quán cổ truyền, một nét vẽ truyền thống nữa của người con gái Kinh Bắc. Cái hay nhất của đoạn thơ trên là biện pháp tu từ so sánh giữa nụ cười thiếu nữ Kinh Bắc với ánh nắng mùa thu. Dường như ở đây có một sự giao hòa giữa vẻ đẹp con người và vẻ đẹp thiên nhiên đất trời. Nét rạng ngời tươi tắn trong nụ cười cô gái cũng giống với nét rạng ngời tươi tắn của nắng mùa thu chứ không phải cái nắng nóng bỏng gay gắt của mùa hè hay yếu ớt âm đạm của mùa đông, nắng thu như tỏa trong nó một sức sống mạnh mẽ. Đến đây người đọc như không còn thấy dấu tích của chiến tranh, bởi vậy câu thơ ẩn chứa một niềm tin tưởng lạc quan của con người. Một không gian Kinh Bắc nhộn nhịp, tấp nập được gọi tả qua một loạt những câu thơ tiếp, hình ảnh người người đông đúc trong một không khí tung bừng náo nức đã

khẳng định một sức sống mạnh mẽ của quê hương Kinh Bắc. Tình yêu quê hương Kinh Bắc tràn đầy trong những vần thơ. Trong hoài niệm của Hoàng Cầm về con người Kinh Bắc có hình ảnh người mẹ:

*Mẹ già nua còm cõi gánh hàng rong*

*Dăm miếng cau khô*

*Mấy lọ phẩm hồng*

*Vài thếp giấy đầm hoeen sương sớm*

Những câu thơ đậm màu sắc tả thực. Từ láy “còm cõi” đã diễn tả rất tinh tế vóc dáng khổ hạnh của người mẹ đồng thời chỉ rõ những vất vả, nhọc nhằn, lo toan mà người mẹ phải chịu đựng, trong lòng người đọc như dâng lên sự cảm thương sâu sắc. Gian hàng của mẹ chẳng có gì, dăm miếng cau khô, mấy lọ phẩm hồng, vài thếp giấy đã hoeen vàng. Các từ “dăm”, “vài” là các từ chỉ số nhiều nhưng trong cảm nhận của người đọc, người ta ngỡ như chỉ những thứ hàng hóa ít ỏi, sơ sài của người mẹ, chữ “hoeen” được sử dụng rất hay, “hoeen” không chỉ là sương thấm vào giấy mà như thấm cả giọt nước mắt, mồ hôi của mẹ. Đi liền với hình ảnh người mẹ là tội ác của kẻ thù:

*Chợt lũ quỷ mắt xanh tròng trợn*

*Khua giấy đình đập gãy quán gầy teo*

*Xì xô cướp bóc*

*Tan phiên chợ nghèo*

Tác giả gọi kẻ thù là “lũ quỷ mắt xanh” – một hình ảnh ẩn dụ chỉ tội ác tàn bạo và dã man của kẻ thù, từ láy “tròng trợn” không chỉ gợi dáng vẻ nạt nộ, dọa dẫm của kẻ thù mà còn góp phần lột tả sống động chân dung của kẻ khát máu, quân cướp bóc. Không những thế, chữ “chợt” chỉ gót giày quân xâm lược đột ngột, bất ngờ, không gian thanh bình bỗng chốc bị phá vỡ. Tác giả sử dụng những từ mạnh mang sắc thái biểu cảm cao” khua”, “đập”, “xì xô”, “tan”, “gầy teo” diễn tả những hành động dã man liên tiếp của kẻ thù, những tội ác chồng chất. Hình ảnh con người, hàng xóm, quê hương như bị thu hẹp lại dưới gót giày tàn bạo của quân xâm lược. Qua đó ta thấy tội ác kẻ thù càng tăng, niềm căm thù càng trở nên mạnh mẽ, nỗi đau càng trở nên sâu thẳm. Tội cùng nỗi đau thương trong tâm hồn thi sĩ được đúc kết, gửi gắm qua hai câu thơ lục bát đầy xúc động:

*Lá đa lác đác trước lều*

*Vài ba vết máu loang chiều mùa đông*

Không gian hoang sơ hiu quạnh được gợi tả với vài chiếc lá đa thưa thớt, một chiều mùa đông nhuộm đỏ: đỏ của màu máu, đỏ của ráng chiều. Câu thơ có khả năng gây ấn tượng cực mạnh đối với người đọc. Câu “lá đa lác đác trước lều” gợi âm điệu buồn tẻ, rời rạc, điểm nhịp cho không gian vắng vẻ, thưa thớt, hiu quạnh của làng quê Việt Nam trong những ngày tháng kẻ thù xâm lược. Các từ “vài ba”, “loang” được sử dụng rất đắt giúp người đọc

cảm nhận được từng vết máu đang loang dần, từng chút từng chút vào cảnh vật cũng như vào con người. Mùa đông vốn âm đạm, thời gian chiều mùa đông càng khắc sâu thêm sự âm đạm ấy. Câu thơ đã gợi tả sự khốc liệt của chiến tranh. Những vết máu của chiến tranh thấm đò khung trời hay sáng chiều nhuần đỏ. Tất cả đều gợi sự bi thương tang tóc. Như vậy, hai câu thơ tả ít mà gợi nhiều, nó không chỉ đánh thức người đọc niềm căm thù sôi sục quân xâm lược mà còn gợi dậy một nỗi đau khôn cùng. Câu thơ tràn ngập một màu máu và thấm đẫm nỗi khóc thương nhỏ lệ.

Mạch cảm xúc căm giận trào sôi trước hiện thực quê hương Kinh Bắc tươi đẹp giàu có, bình yên chìm trong máu lửa để rồi bùng lên sức mạnh chiến đấu của những đoàn quân trở về giải phóng quê hương, chuẩn bị cho Kinh Bắc ca khúc khải hoàn. Thế nên, mở đầu đoạn thơ cuối Hoàng Cầm viết:

*Bao giờ về bên kia sông Đuống*

Chữ “bao giờ” diễn tả thời gian trong tương lai, thời gian của mơ ước, của khát khao chứ không phải là thời gian của thực tại. Mặc dù được lặp lại đến lần thứ sáu với nhiều biến thể khác nhau nhưng ở đây, cụm từ “bên kia sông Đuống” mới thật sự hàm chứa cái giọng của sự mong ngóng đến khắc khoải. Bởi vì “Bên kia sông Đuống” là trở lại mái ấm, là tìm về mảnh đất thân thương máu thịt, nơi cất giữ mảnh hồn riêng của những con người Kinh Bắc. Và thế giới Kinh Bắc ấy hội tụ nơi “em”. Sự xuất hiện của từ “em” trong khổ thơ này một mặt tạo ra sự hô ứng, nhất quán chặt chẽ trong cấu trúc hình tượng của toàn bài, một mặt gắn liền với lời động viên an ủi mở đầu thi phẩm:

*Em ơi buồn làm chi*

*Anh đưa em về sông Đuống*

Và lời hẹn ước năm nào đang trở thành một thực hay chính lời thơ chứa đựng niềm tin của nhân vật trữ tình “anh” sẽ trở lại quê hương ngay khi thi sĩ đặt bút viết những dòng đầu tiên về Kinh Bắc ở cái thời điểm “giặc tràn lên đốt phá”. Đó là niềm tin lẫm mẫn mang tính Cách mạng. Mặt khác, “em” chính là hình ảnh tiêu biểu hơn cả cho những vẻ đẹp Kinh Bắc. Dõi theo lời thơ, ta thấy “em” hiện ra với “yếm thắm”, “lụa hồng”, trang phục rực rỡ, với nụ cười “mê ánh sáng muôn lòng xuân xanh”, trong không khí “trẩy hội non sông” tung bừng của mùa xuân, mùa chiến thắng.

Để tái hiện chân dung những thiếu nữ Kinh Bắc, Hoàng Cầm vẫn tiếp tục sử dụng chất liệu đậm đà bản sắc dân tộc. Cách mô tả như vậy có nhiều điểm gặp gỡ với câu thơ Nguyễn Bính trong “Chân quê”, “Chiều xuân” của Anh Thơ. Vì thế con người Kinh Bắc hiện ra với những vẻ đẹp mang bản sắc văn hóa truyền thống vừa thân thuộc dung dị, vừa duyên dáng tinh tú, vừa gợi nhớ gợi thương. Giữa không khí của lễ hội mùa xuân, “em” nổi bật nơi thế giới của những sắc màu và những đặc biệt tỏa sáng cùng nụ cười.



Đây là lần thứ hai Hoàng Cầm đặc tả nụ cười thôn nữ, một nụ cười xuất hiện ở quá khứ thanh bình, một nụ cười xuất hiện trong tương lai chiến thắng. Song, cả hai đều chứa đựng vẻ đẹp của niềm hạnh phúc:

*“Cười như mùa thu tỏa nắng”*

*“Cười mê ánh sáng muôn lòng xuân xanh”*

Nhà thơ đã khẳng định tài năng miêu tả theo lối chấm phá của mình. Vẫn là tái hiện vẻ đẹp con người qua ánh sáng mùa thu tình tứ, lại có nét cười trong ánh sáng mùa xuân trẻ trung tươi tắn, căng tròn sức sống. Nếu không phải là một hồn thơ đặc biệt nhạy cảm với vẻ đẹp cuộc sống, con người thì không thể nắm bắt được những vẻ đẹp ấy và miêu tả một cách tinh tế như vậy.

Ngôn ngữ thơ chưa hẳn đã mới lạ bởi người đọc đã từng gặp “mùa xuân xanh” trong câu thơ Nguyễn Bính “mùa xuân chín” trong thơ Hàn Mặc Tử... Song sức hấp dẫn của câu thơ ở chỗ hai chữ “xuân xanh” khép lại thì phẩm gợi mở cho người đọc nhiều liên tưởng. Những ấn tượng đầu tiên thật bình yên, thanh thản và đầy tin tưởng. Bởi thế âm điệu thơ, nhịp điệu thơ không có dồn bực, căng thẳng ngọt ngào như những đoạn thơ trước mà bỗng nhiên thư thái êm đềm, nhẹ nhàng lan tỏa. Đoạn thơ sáu dòng thì bốn dòng thơ giữa rất ngắn, gợi được cái âm điệu tung búng náo nức trong bước chân, trong ánh mắt, trong nét cười của con người. Dòng đầu và dòng cuối kéo dài không ngắt nhịp như cảm giác hạnh phúc ngập tràn.

Qua “Bên kia sông Đuống”, Hoàng Cầm đã thể hiện một tấm lòng tha thiết với quê hương đất nước. Tình cảm dạt dào ấy hóa thân vào những dòng cảm xúc và tâm trạng đan xen nhau không ngắt: khi tự hào về truyền thống, hình ảnh quê hương, khi uất nghẹn, căm hờn trước sự tàn phá của quân giặc. Đọc “Bên kia sông Đuống” của Hoàng Cầm, cảm xúc của người đọc cũng dạt diu đồng cảm với nhà thơ. Gấp lại trang thơ, lòng ta cũng chợt “ngiên nghiêng” về một miền “Bên kia sông Đuống” của riêng mình.